

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 13/01/2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tuấn Dũng và ông Trần Văn Nghi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/2020/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/ QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị V – sinh năm 1984; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Văn M – sinh năm 1982; vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Hiện tạm trú tại: Xóm 7B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Mai Thị V trình bày: Chị và anh Trần Văn M kết hôn hợp pháp với nhau ngày 18 tháng 10 năm 2002 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về sống cùng bố mẹ anh M khoảng một năm sau đó về K làm ăn sinh sống. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh M thường xuyên rượu chè, chơi bời, không quan tâm đến vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Chị và hai bên gia đình đã đã khuyên giải anh M nhiều lần nhưng anh M không thay

đổi mà ngày càng rượu chè, đàn đúm bạn bè hơn. Năm 2016 anh M bị Tòa án nhân dân quận 7 xử phạt 4 năm tù về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Năm 2019 anh M chấp hành án xong chờ về địa phương nhưng cũng không tu trí làm ăn mà ngày càng chơi bời và nghiện ngập. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đã rất nhiều lần bỏ anh M và sống ly thân, nhưng được hai bên gia đình động viên và cũng vì con cái chị lại về với anh M vợ chồng đoàn tụ, nhưng chỉ được một thời gian ngắn mâu thuẫn lại phát sinh. Từ đầu năm 2019 thì vợ chồng anh chị chính thức sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Anh M về nhà bố mẹ đẻ của anh M ở xóm 7b, xã C sinh sống còn chị và các con thì về nhà mẹ đẻ của chị ở xóm 5 xã C. Hai bên không liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh M có hai con chung cháu Trần Văn C sinh ngày 20 tháng 07 năm 2003 và cháu Trần Thị Khánh H, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2006. Hiện cháu C đã trưởng thành có công việc và tự lập được cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Cháu H đang ở với chị nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Trần Thị Khánh H cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh M không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Trần Văn M hiện đang cư trú tại nhà bố đẻ của anh M là ông Trần Văn S ở xóm 7B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Văn M và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh M thông qua bố đẻ anh M là ông Trần Văn S. Ông S cam kết sẽ có trách nhiệm giao ngay tận tay các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh M. Bản thân anh M có biết việc chị V khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh M không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai của cháu Trần Thị Khánh H thì hiện cháu đang ở với mẹ tại xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nay bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng cháu muốn ở với mẹ là chị Mai Thị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện

tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị V ly hôn anh Trần Văn M.

- Về con chung: Giao cho chị Mai Thị V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung cháu Trần Thị Khánh H, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2006 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Anh Trần Văn M không phải cấp dưỡng đối với cháu Trần Thị Khánh H, anh M có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Mai Thị V nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị V có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn M có nơi cư trú tại: Xóm 7B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị V và anh Trần Văn M có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 10 năm 2002 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa Mai Thị V và anh Trần Văn M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại xã C một thời gian sau đó chuyển sang xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình làm ăn sinh sống. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh M chơi bời rượu chè và không tu trí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh M không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh M vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện anh M không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng. Do vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Biên bản xác minh tại Công an xã K và chính quyền cơ sở xã K thể hiện: Năm 2012 anh M và chị V từ C và về Đăng ký hộ khẩu thường trú và làm ăn sinh sống tại

Xóm 4, xã K. Quá trình sinh sống tại địa phương một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M chơi bời và uống rượu không làm chủ được bản thân và về nhà chửi bới, xúc phạm vợ con, phá tán tài sản. Khoảng giữa năm 2019 thì anh chị bán nhà đất ở K sau đó anh M thì về nhà bố mẹ đẻ anh M ở, còn chị V cùng các con về nhà mẹ đẻ chị V làm ăn sinh sống. Nay chị V xin ly hôn anh M Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các bên đương sự để giải quyết.

Từ những tài liệu nêu trên thể hiện chị V và anh M trong quá trình sinh sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và thực tế anh chị cũng đã sống ly thân nhau hai năm nay. Cả hai đều không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị V và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị V và anh M có hai con chung Trần Văn C sinh ngày 20 tháng 07 năm 2003 và cháu Trần Thị Khánh H, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2006. Hiện cháu C đã trưởng thành có công việc và tự lập được cuộc sống nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu H từ khi bố mẹ sống ly thân cháu ở với mẹ và bản thân chị V cũng đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu.

Qua xem xét nguyện vọng của cháu H thì muốn ở với mẹ, mặt khác để không làm thay đổi và ảnh hưởng đến việc học tập cũng như cuộc sống sinh hoạt của cháu nay cần giao cháu H cho chị V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của chị V cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật. Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị V không yêu cầu anh M cấp dưỡng đối với cháu H. Chị V cũng xác định mình có đủ điều kiện về vấn đề vật chất đảm bảo cuộc sống cho cháu H nên vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

Căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Trần Thị Khánh H cho chị V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên, tự lập được cuộc sống. Anh M không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Mai Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị V và anh Trần Văn M được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Khánh H, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2006 cho chị Mai Thị V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên, tự lập được cuộc sống. Anh Trần Văn M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V. Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Mai Thị V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002467 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã C, huyện K.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Thị Khanh**